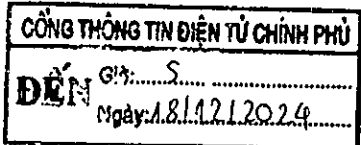


Số: 1575/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có Liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009; Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010; Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016; Luật Bình đẳng giới ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 03 năm 2021; Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 07 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030; Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 966/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 42/TTr-BLĐTBXH ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc ban hành Kế hoạch triển khai Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Công văn số 199/BC-BLĐTBXH ngày 21 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.


Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: KGVX, KTTH, TH, PL;
- Lưu: VT, KGVX (2b). *gđ*

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



[Handwritten Signature]

Lê Thành Long



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 1575/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 966/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (viết tắt là Quy hoạch cơ sở trợ giúp xã hội) xây dựng lộ trình, tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của quy hoạch.

b) Xác định các nhiệm vụ, giải pháp; tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để triển khai thực hiện quy hoạch, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và sử dụng tối ưu, hiệu quả nguồn lực.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm đồng bộ, gắn kết với các kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, đảm bảo khả năng cân đối nguồn lực.

b) Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả; tuân thủ, kế thừa các Nghị quyết, chương trình hành động, các nội dung quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

c) Việc thực hiện gắn với trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong quá trình thực hiện Quy hoạch.

d) Bảo đảm tính linh hoạt trong triển khai thực hiện các dự án theo từng thời kỳ, phù hợp với bối cảnh và khả năng bố trí nguồn lực.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Các nhiệm vụ, dự án triển khai thực hiện

a) Về dự án đầu tư công

- Ưu tiên tập trung để thực hiện các dự án xây dựng mới; cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản, trang thiết bị đồng bộ cho các cơ sở cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc quy hoạch giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030.

- Việc sử dụng vốn đầu tư công thực hiện các dự án đầu tư cơ sở trợ giúp xã hội công lập thực hiện theo quy định của pháp luật về Đầu tư công và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Danh mục các dự án đầu tư công là những dự án được xác định trên cơ sở Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư trong lĩnh vực cơ sở trợ giúp xã hội tại Phụ lục ban hành kèm Quyết định số 966/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*chi tiết Danh mục các dự án đầu tư công tại Phụ lục kèm theo Quyết định này*).

- Trường hợp cần điều chỉnh các dự án ưu tiên đầu tư tại điểm c khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Về dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

- Đầu tư mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Quy hoạch giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

- Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các cơ sở trợ giúp xã hội theo Quy hoạch, tiêu chí, tiêu chuẩn quy định của pháp luật.

2. Kế hoạch sử dụng đất

a) Triển khai xây dựng, phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội theo đúng Quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia, Quyết định số 326/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 09 tháng 03 năm 2022 về phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

b) Bố trí quỹ đất phù hợp dành cho phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội. Các địa phương chủ động, linh hoạt trong thực hiện chính sách đất đai và ưu tiên dành quỹ đất đầu tư, xây dựng, mở rộng các cơ sở trợ giúp xã hội theo Quy hoạch này.

3. Xác định nguồn lực và kinh phí thực hiện Quy hoạch

a) Ưu tiên nguồn vốn ngân sách nhà nước đối với các dự án đầu tư các cơ sở trợ giúp xã hội công lập, nhất là cơ sở trợ giúp xã hội công lập ở các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn chưa tự chủ ngân sách, vùng đặc

biệt khó khăn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án liên quan khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về đầu tư công.

b) Các bộ, ngành và các địa phương chủ động bố trí, lồng ghép các nhiệm vụ và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác ngoài nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này.

c) Khuyến khích và huy động các nguồn xã hội hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia theo quy định của pháp luật.

III. CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Thu hút đầu tư phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội

a) Phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công để thúc đẩy, huy động mọi nguồn lực xã hội, nhất là nguồn lực tư nhân tham gia đầu tư các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập theo phương thức đối tác công tư.

b) Huy động nguồn vốn đầu tư cho lĩnh vực trợ giúp xã hội từ các nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, nguồn đóng góp tự nguyện, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Phát triển nguồn nhân lực

a) Đẩy mạnh nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về quản lý, xây dựng, vận hành các cơ sở trợ giúp xã hội; thúc đẩy hợp tác đào tạo quốc tế về lĩnh vực trợ giúp xã hội.

b) Phát triển đội ngũ công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở trợ giúp xã hội đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng; định kỳ bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức, viên chức, người lao động, đặc biệt là người làm công tác cai nghiện ma túy và hoàn thiện chính sách thu hút cán bộ, nhân viên vào làm việc tại các cơ sở trợ giúp xã hội.

c) Xây dựng đội ngũ làm công tác xã hội chuyên nghiệp; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện, can thiệp sớm, hỗ trợ kịp thời người gặp khó khăn trong cuộc sống, góp phần xây dựng cộng đồng phát triển bền vững.

3. Phát triển khoa học, công nghệ

a) Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin trên các lĩnh vực trợ giúp xã hội, cai nghiện ma túy.

b) Tăng cường ứng dụng thực hiện chuyển đổi số, công nghệ thông tin; xây dựng cơ sở dữ liệu để nâng cao hiệu quả quản lý, chất lượng phục vụ đối tượng tại các cơ sở trợ giúp xã hội.

c) Đẩy mạnh liên kết các cơ sở trợ giúp xã hội trong từng địa phương, giữa các vùng trong công tác trợ giúp xã hội về đào tạo nguồn nhân lực và chia sẻ kinh nghiệm; liên kết triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình tại trung ương và địa phương; tăng cường phối kết hợp giữa các địa phương với nhau, giữa các vùng trong công tác quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội. Tăng cường liên kết, hợp tác với các nước trong khu vực và các quốc gia về lĩnh vực trợ giúp xã hội và cai nghiện ma túy.

d) Mở rộng liên kết đào tạo với các tổ chức, các nước có hệ thống an sinh xã hội phát triển.

đ) Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tham gia các hoạt động cơ sở trợ giúp xã hội.

4. Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội

Phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ công về trợ giúp xã hội của các nhóm đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội. Từng bước hiện đại hóa các cơ sở trợ giúp xã hội bảo đảm cung cấp dịch vụ về trợ giúp xã hội theo tiêu chuẩn quốc gia và tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế.

5. Bảo vệ môi trường

Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội an toàn, hiệu quả, thân thiện với môi trường. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, phù hợp điều kiện địa lý tự nhiên, ứng phó với tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu theo đặc thù từng vùng, miền trong cả nước.

6. Đảm bảo nguồn lực tài chính

a) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch này được bố trí trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước của các bộ, ngành liên quan, địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và đảm bảo về thời hạn, tiến độ thực hiện.

c) Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thông qua các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội khác. Các bộ, ngành liên quan và các địa phương chủ động bố trí, lồng ghép các nhiệm vụ và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác ngoài nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì tổ chức thực hiện Kế hoạch; đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện; giám sát, kiểm tra và báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc thực hiện Kế hoạch theo quy định.

b) Tổ chức công bố, cung cấp thông tin về Quy hoạch và lưu trữ hồ sơ Quy hoạch theo quy định.

c) Chủ trì rà soát các quy định pháp luật chuyên ngành, kịp thời sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền; hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định pháp luật liên quan (nếu có).

d) Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch và huy động các nguồn lực.

đ) Nghiên cứu cơ chế, chính sách đột phá trong huy động nguồn lực tổ chức thực hiện Quy hoạch; hoàn thiện cơ chế chính sách và triển khai có hiệu quả theo Quy hoạch.

e) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành đánh giá, kiểm tra thực hiện Quy hoạch theo định kỳ 05 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

g) Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí ngân sách trung hạn, tập trung bố trí vốn hàng năm cho các nhiệm vụ, dự án theo phân cấp và Quy hoạch được duyệt, đảm bảo đúng quy định của pháp luật liên quan.

h) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra việc sử dụng quỹ đất xây dựng, phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội tại các địa phương theo Quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí vốn cho các nhiệm vụ, dự án thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

3. Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các cơ chế, chính sách, quy định pháp luật có liên quan.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện tại các địa phương trong việc sử dụng quỹ đất cho phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội theo đúng Quy hoạch đã được duyệt và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao:

a) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Kế hoạch này; phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bố trí nguồn lực, đề xuất các cơ chế chính sách để thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Quy hoạch, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, địa phương.

b) Định kỳ báo cáo, gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Tổ chức thực hiện Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Bố trí quỹ đất để phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển cơ sở trợ giúp xã hội theo Quy hoạch và Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định này.

c) Ưu tiên bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực để đầu tư mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định.

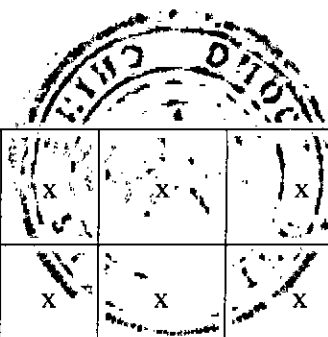


Phụ lục
PHẠM MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG
ƯU TIÊN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH
(Kèm theo Quyết định số 1575/QĐ-TTg
ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Biểu số 1

**Phương án phát triển cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi
thời kỳ 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050**

TT	Tỉnh/ thành phố	Số lượng cơ sở (tối thiểu)			Tên dự án ưu tiên (cơ sở công lập)	Phân kỳ		Dự kiến nguồn vốn	
		Tổng số	Cơ sở công lập	Cơ sở ngoài công lập		2021 - 2025	2026 - 2030	Sử dụng nguồn vốn đầu tư công	Sử dụng nguồn vốn địa phương và huy động khác
Cả nước (cơ sở)		90	63	27					
I	Trung du và miền núi phía Bắc	19	14	5					
1	Hà Giang	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
2	Tuyên Quang	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
3	Cao Bằng	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
4	Lạng Sơn	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
5	Thái Nguyên	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
6	Bắc Giang	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
7	Lào Cai	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
8	Yên Bái	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
9	Phú Thọ	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
10	Bắc Kạn	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x



11	Sơn La	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
12	Điện Biên	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
13	Lai Châu	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
14	Hoà Bình	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
II	Đồng bằng sông Hồng	18	11	7		x	x	x	x
15	Bắc Ninh	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
16	Vĩnh Phúc	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
17	Hà Nội	3	1	2	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
18	Hải Phòng	3	1	2	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
19	Quảng Ninh	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
20	Nam Định	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
21	Hà Nam	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
22	Hải Dương	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
23	Hưng Yên	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
24	Thái Bình	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
25	Ninh Bình	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
III	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	21	14	7					
26	Thanh Hoá	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x

27	Nghệ An	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
28	Hà Tĩnh	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
29	Quảng Bình	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
30	Quảng Trị	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
31	Thừa Thiên Huế	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
32	Đà Nẵng	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
33	Quảng Nam	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
34	Quảng Ngãi	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
35	Bình Định	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
36	Phú Yên	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
37	Khánh Hòa	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
38	Ninh Thuận	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
39	Bình Thuận	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
IV	Tây Nguyên	6	5	1					
40	Gia Lai	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
41	Đắk Lắk	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
42	Đắk Nông	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
43	Kon Tum	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
44	Lâm Đồng	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x

V	Đông Nam Bộ	12	6	6		x	x	x	x
45	TP.HCM	5	1	4	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
46	Tây Ninh	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
47	Bình Phước	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
48	Bình Dương	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
49	Đồng Nai	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
50	Bà Rịa Vũng Tàu	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
VI	Đồng bằng sông Cửu Long	14	13	1					
51	Long An	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
52	Đồng Tháp	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
53	An Giang	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
54	Tiền Giang	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
55	Bến Tre	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
56	Vĩnh Long	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
57	Trà Vinh	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
58	Hậu Giang	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
59	Cần Thơ	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
60	Sóc Trăng	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
61	Kiên Giang	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x

62	Bạc Liêu	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x
63	Cà Mau	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi	x	x	x	x

Ghi chú: Tên dự án thực hiện theo quy định tại Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội, trường hợp có 01 cơ sở thì tên Dự án là tên Dự án của cơ sở.

Phương án phát triển cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí (bao gồm cả trẻ em tự kỷ) thời kỳ 2021 - 2030

TT	Tỉnh/thành phố	Số lượng cơ sở (tối thiểu)			Tên dự án ưu tiên (cơ sở công lập)	Phân kỳ		Dự kiến nguồn vốn	
		Tổng số	Cơ sở công lập	Cơ sở ngoài công lập		2021 - 2025	2026 - 2030	Sử dụng nguồn vốn đầu tư công	Sử dụng nguồn vốn địa phương và huy động khác
	Cả nước (cơ sở)	93	36	57					
I	Trung du và miền núi phía Bắc	18	7	11					
1	Hà Giang	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
2	Tuyên Quang	1	0	1	0				
3	Cao Bằng	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
4	Lạng Sơn	1	0	1	0				
5	Thái Nguyên	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
6	Bắc Giang	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
7	Lào Cai	0	0	0	0				
8	Yên Bái	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x

9	Phú Thọ	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
10	Bắc Kạn	1	0	1	0				
11	Sơn La	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
12	Điện Biên	1	0	1	0				
13	Lai Châu	1	0	1	0				
14	Hoà Bình	1	0	1	0				
II	Đồng bằng sông Hồng	20	11	9					
15	Bắc Ninh	1	0	1	0				
16	Vĩnh Phúc	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
17	Hà Nội	5	4	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
18	Hải Phòng	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
19	Quảng Ninh	0	0	0	0				
20	Nam Định	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
21	Hà Nam	1	0	1	0				

22	Hải Dương	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
23	Hưng Yên	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
24	Thái Bình	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
25	Ninh Bình	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
III	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	23	10	13					
26	Thanh Hoá	3	2	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
27	Nghệ An	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
28	Hà Tĩnh	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
29	Quảng Bình	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
30	Quảng Trị	1	0	1					
31	Thừa Thiên Huế	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
32	Đà Nẵng	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x

33	Quảng Nam	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
34	Quảng Ngãi	1	0	1	0				
35	Bình Định	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
36	Phú Yên	1	0	1	0				
37	Khánh Hòa	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
38	Ninh Thuận	1	0	1	0				
39	Bình Thuận	1	0	1	0				
IV	Tây Nguyên	6	2	4					
40	Gia Lai	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
41	Đắk Lắk	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
42	Đắk Nông	1	0	1	0				
43	Kon Tum	1	0	1	0				
44	Lâm Đồng	1	0	1	0				
V	Đông Nam Bộ	10	3	7					
45	TP.HCM	5	3	2	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x

46	Tây Ninh	1	0	1	0				
47	Bình Phước	1	0	1	0				
48	Bình Dương	1	0	1	0				
49	Đồng Nai	1	0	1	0				
50	Bà Rịa Vũng Tàu	1	0	1	0				
VI	Đồng bằng sông Cửu Long	16	3	13					
51	Long An	1	0	1	0				
52	Đồng Tháp	1	0	1	0				
53	An Giang	1	0	1	0				
54	Tiền Giang	1	0	1	0				
55	Bến Tre	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
56	Vĩnh Long	1	0	1	0				
57	Trà Vinh	1	0	1	0				
58	Hậu Giang	1	0	1	0				
59	Cần Thơ	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x
60	Sóc Trăng	1	0	1	0				
61	Kiên Giang	1	0	1	0				
62	Bạc Liêu	1	0	1	0				
63	Cà Mau	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí	x	x	x	x

**Phương án phát triển cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh
đặc biệt khó khăn thời kỳ 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050**

TT	Tỉnh/ thành phố	Số lượng cơ sở (tối thiểu)			Tên dự án ưu tiên (cơ sở công lập)	Phân kỳ		Dự kiến nguồn vốn	
		Tổng số	Cơ sở công lập	Cơ sở ngoài công lập		2021 - 2025	2026 - 2030	Sử dụng nguồn vốn đầu tư công	Sử dụng nguồn vốn địa phương và huy động khác
	Cả nước (cơ sở)								
	Tổng số	130	35	95					
I	Trung du và miền núi phía Bắc	17	5	12					
1	Hà Giang	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	x	x	x	x
2	Tuyên Quang	1	0	1	0				
3	Cao Bằng	0	0	0	0				
4	Lạng Sơn	1	0	1	0				
5	Thái Nguyên	1	0	1	0				
6	Bắc Giang	1	0	1	0				
7	Lào Cai	1	0	1	0				
8	Yên Bái	1	0	1	0				
9	Phú Thọ	4	3	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	x	x	x	x
10	Bắc Kạn	1	0	1	0				
11	Sơn La	1	0	1	0				
12	Điện Biên	1	0	1	0				
13	Lai Châu	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	x	x	x	x
14	Hoà Bình	1		1	0				

II	Đồng bằng sông Hồng	24	6	18					
15	Bắc Ninh	1	0	1	0				
16	Vĩnh Phúc	2	0	2	0				
17	Hà Nội	8	4	4	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	x	x	x	x
18	Hải Phòng	4	1	3	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	x	x	x	x
19	Quảng Ninh	1	0	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	x	x	x	x
20	Nam Định	1		1	0				
21	Hà Nam	1		1	0				
22	Hải Dương	1		1	0				
23	Hưng Yên	2		2	0				
24	Thái Bình	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	x	x	x	x
25	Ninh Bình	1		1	0				
III	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	30	9	21					
26	Thanh Hoá	4	1	3	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	x	x	x	x
27	Nghệ An	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	x	x	x	x
28	Hà Tĩnh	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	x	x	x	x
29	Quảng Bình	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	x	x	x	x
30	Quảng Trị	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	x	x	x	x
31	Thừa Thiên Huế	3	2	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	x	x	x	x

32	Đà Nẵng	3	1	2	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	x	x	x	x
33	Quảng Nam	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	x	x	x	x
34	Quảng Ngãi	1		1	0				
35	Bình Định	1		1	0				
36	Phú Yên	1		1	0				
37	Khánh Hòa	5		5	0				
38	Ninh Thuận	1		1	0				
39	Bình Thuận	1		1	0				
IV	Tây Nguyên	8	3	5					
40	Gia Lai	3	2	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	x	x	x	x
41	Đắk Lắk	1		1	0				
42	Đắk Nông	1		1	0				
43	Kon Tum	1		1	0				
44	Lâm Đồng	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	x	x	x	x
V	Đông Nam Bộ	36	10	26					
45	TP.HCM	15	7	8	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	x	x	x	x
46	Tây Ninh	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	x	x	x	x
47	Bình Phước	1		1	0				
48	Bình Dương	8		8	0				
49	Đồng Nai	5	1	4	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	x	x	x	x
50	Bà Rịa Vũng Tàu	5	1	4	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	x	x	x	x
VI	Đồng bằng sông Cửu Long	15	2	13					
51	Long An	1		1	0				
52	Đồng Tháp	1		1	0				
53	An Giang	1		1	0				
54	Tiền Giang	1		1	0				

55	Bến Tre	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	x	x	x	x
56	Vĩnh Long	1		1	0				
57	Trà Vinh	1		1	0				
58	Hậu Giang	1		1	0				
59	Cần Thơ	1		1	0				
60	Sóc Trăng	1		1	0				
61	Kiên Giang	1		1	0				
62	Bạc Liêu	1		1	0				
63	Cà Mau	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	x	x	x	x

Ghi chú: Bao gồm cả các Làng SOS.

**Phương án phát triển cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

TT	Tỉnh/thành phố	Số lượng cơ sở (tối thiểu)			Tên dự án ưu tiên (cơ sở công lập)	Phân kỳ		Dự kiến nguồn vốn	
		Tổng số	Cơ sở công lập	Cơ sở ngoài công lập		2021 - 2025	2026 - 2030	Sử dụng nguồn vốn đầu tư công	Sử dụng nguồn vốn địa phương và huy động khác
	Cả nước (cơ sở)	114	29	85	0				
I	Trung du và miền núi phía Bắc	20	5	15					
1	Hà Giang	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	x	x	x	x
2	Tuyên Quang	1	0	1	0				
3	Cao Bằng	3	1	2	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	x	x	x	x
4	Lạng Sơn	1	0	1					
5	Thái Nguyên	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	x	x	x	x
6	Bắc Giang	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	x	x	x	x
7	Lào Cai	1	0	1	0				
8	Yên Bái	1	0	1	0				
9	Phú Thọ	1	0	1	0				
10	Bắc Kạn	1	0	1	0				
11	Sơn La	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	x	x	x	x
12	Điện Biên	1	0	1	0				
13	Lai Châu	1	0	1	0				
14	Hoà Bình	1	0	1	0				
II	Đồng bằng sông Hồng	22	8	14					

15	Bắc Ninh	1	0	1	0				
16	Vĩnh Phúc	1	0	1	0				
17	Hà Nội	6	3	3	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	x	x	x	x
18	Hải Phòng	2	0	2	0				
19	Quảng Ninh	0	0	0	0				
20	Nam Định	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	x	x	x	x
21	Hà Nam	1	0	1	0				
22	Hải Dương	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	x	x	x	x
23	Hưng Yên	3	2	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	x	x	x	x
24	Thái Bình	3	1	2	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	x	x	x	x
25	Ninh Bình	1		1	0				
III	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	27	10	17					
26	Thanh Hoá	3	2	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	x	x	x	x
27	Nghệ An	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	x	x	x	x
28	Hà Tĩnh	3	1	2	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	x	x	x	x
29	Quảng Bình	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	x	x	x	x
30	Quảng Trị	1	0	1					
31	Thừa Thiên Huế	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	x	x	x	x
32	Đà Nẵng	3	1	2	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	x	x	x	x
33	Quảng Nam	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	x	x	x	x
34	Quảng Ngãi	1	0	1	0				
35	Bình Định	1	0	1	0				
36	Phú Yên	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	x	x	x	x

37	Khánh Hòa	3	1	2	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	x	x	x	x
38	Ninh Thuận	1	0	1	0				
39	Bình Thuận	1	0	1	0				
IV	Tây Nguyên	5	1	4					
40	Gia Lai	1	0	1	0				
41	Đắk Lắk	1	1	0	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	x	x	x	x
42	Đắk Nông	1	0	1	0				
43	Kon Tum	1	0	1	0				
44	Lâm Đồng	1	0	1	0				
V	Đông Nam Bộ	26	4	22					
45	TP.HCM	7	2	5	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	x	x	x	x
46	Tây Ninh	1	0	1	0				
47	Bình Phước	1	0	1	0				
48	Bình Dương	6	1	5	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	x	x	x	x
49	Đồng Nai	5	0	5	0				
50	Bà Rịa Vũng Tàu	6	1	5	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	x	x	x	x
VI	Đồng bằng sông Cửu Long	14	1	13					
51	Long An	1	0	1	0				
52	Đồng Tháp	1	0	1	0				
53	An Giang	1	0	1	0				
54	Tiền Giang	1	0	1	0				
55	Bến Tre	2	1	1	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật	x	x	x	x
56	Vĩnh Long	1	0	1	0				
57	Trà Vinh	1	0	1	0				
58	Hậu Giang	1	0	1	0				
59	Cần Thơ	1	0	1	0				
60	Sóc Trăng	1	0	1	0				
61	Kiên Giang	1	0	1	0				
62	Bạc Liêu	1	0	1	0				
63	Cà Mau	1	0	1	0				

**Phương án phát triển cơ sở trợ giúp xã hội tổng hợp và trung tâm công tác xã hội
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là cơ sở trợ giúp xã hội tổng hợp)**

TT	Tỉnh/thành phố	Số lượng cơ sở (tối thiểu)			Tên dự án ưu tiên (cơ sở công lập)	Phân kỳ		Dự kiến nguồn vốn	
		Tổng số	Cơ sở công lập	Cơ sở ngoài công lập		2021 - 2025	2026 - 2030	Sử dụng nguồn vốn đầu tư công	Sử dụng nguồn vốn địa phương và huy động khác
Cả nước (cơ sở)		164	75	89					
I	Trung du và miền núi phía Bắc	29	15	14					
1	Hà Giang	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
2	Tuyên Quang	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
3	Cao Bằng	3	1	2	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
4	Lạng Sơn	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
5	Thái Nguyên	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
6	Bắc Giang	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
7	Lào Cai	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
8	Yên Bái	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
9	Phú Thọ	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
10	Bắc Kạn	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
11	Sơn La	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
12	Điện Biên	2	2	0	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
13	Lai Châu	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
14	Hoà Bình	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
II	Đồng bằng sông Hồng	36	17	19					
15	Bắc Ninh	3	2	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
16	Vĩnh Phúc	3	2	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
17	Hà Nội	11	4	7	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
18	Hải Phòng	6	3	3	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
19	Quảng Ninh	1	0	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
20	Nam Định	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
21	Hà Nam	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
22	Hải Dương	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
23	Hưng Yên	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
24	Thái Bình	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
25	Ninh Bình	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
III	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	43	16	27					
26	Thanh Hoá	6	3	3	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x

27	Nghệ An	3	1	2	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
28	Hà Tĩnh	4	1	3	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
29	Quảng Bình	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
30	Quảng Trị	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
31	Thừa Thiên Huế	4	1	3	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
32	Đà Nẵng	4	1	3	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
33	Quảng Nam	4	1	3	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
34	Quảng Ngãi	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
35	Bình Định	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
36	Phú Yên	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
37	Khánh Hòa	3	1	2	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
38	Ninh Thuận	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
39	Bình Thuận	3	1	2	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
IV	Tây Nguyên	10	5	5					
40	Gia Lai	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
41	Đắk Lắk	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
42	Đắk Nông	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
43	Kon Tum	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
44	Lâm Đồng	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
V	Đông Nam Bộ	18	8	10	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
45	TP.HCM	8	3	5	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
46	Tây Ninh	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
47	Bình Phước	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
48	Bình Dương	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
49	Đồng Nai	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
50	Bà Rịa Vũng Tàu	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
VI	Đồng bằng sông Cửu Long	28	14	14					
51	Long An	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
52	Đồng Tháp	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
53	An Giang	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
54	Tiền Giang	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
55	Bến Tre	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
56	Vĩnh Long	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
57	Trà Vinh	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
58	Hậu Giang	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
59	Cần Thơ	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
60	Sóc Trăng	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
61	Kiên Giang	3	2	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
62	Bạc Liêu	3	1	2	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x
63	Cà Mau	2	1	1	Cơ sở trợ giúp xã hội	x	x	x	x

Ghi chú: Cơ sở trợ giúp xã hội, bao gồm các loại hình cơ sở như sau: cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và PHCN cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí; cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi; cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật; trung tâm bảo trợ xã hội tổng hợp và trung tâm công tác xã hội.

**Danh mục dự án ưu tiên cơ sở trợ giúp xã hội thuộc
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

TT	Tỉnh/thành phố	Tên dự án ưu tiên	Phân kỳ		Dự kiến nguồn vốn	
			2021 - 2025	2026 - 2030	Sử dụng nguồn vốn đầu tư công	Sử dụng nguồn vốn địa phương và huy động khác
I	Trung du và miền núi phía Bắc					
1	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Trung tâm điều dưỡng phục hồi chức năng tâm thần Việt Trì	x	x	x	x
II	Đồng bằng sông Hồng					
1	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Trung tâm phục hồi chức năng người khuyết tật Thụy An	x	x	x	x
VI	Đông Nam Bộ					
1	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Trung tâm Phục hồi chức năng và Trợ giúp trẻ tàn tật HCM	x	x	x	x
		Trung tâm chỉnh hình và phục hồi chức năng thành phố Hồ Chí Minh	x	x	x	x

**Phương án phát triển cơ sở cai nghiện ma túy công lập
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

TT	Tỉnh/thành phố	Số lượng cơ sở (tối thiểu)			Tên dự án ưu tiên (cơ sở công lập)	Phân kỳ		Dự kiến nguồn vốn	
		Tổng số	Cơ sở công lập	Cơ sở ngoài công lập		2021 - 2025	2026 - 2030	Sử dụng nguồn vốn đầu tư công	Sử dụng nguồn vốn địa phương và huy động khác
Cả nước (cơ sở)		130	73	57					
I	Trung du và miền núi phía Bắc	25	16	9					
1	Hà Giang	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
2	Tuyên Quang	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
3	Cao Bằng	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
4	Lạng Sơn	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
5	Thái Nguyên	7	1	6	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
6	Bắc Giang	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
7	Lào Cai	3	1	2	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
8	Yên Bái	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
9	Phú Thọ	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
10	Bắc Kạn	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
11	Sơn La	2	2	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
12	Điện Biên	2	2	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
13	Lai Châu	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
14	Hoà Bình	2	1	1	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
II	Đồng bằng sông Hồng	30	14	16					
15	Bắc Ninh	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x

16	Vĩnh Phúc	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
17	Hà Nội	13	3	10	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
18	Hải Phòng	5	2	3	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
19	Quảng Ninh	1	0	1	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
20	Nam Định	2	1	1	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
21	Hà Nam	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
22	Hải Dương	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
23	Hưng Yên	2	2	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
24	Thái Bình	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
25	Ninh Bình	2	1	1	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
III	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	25	15	10					
26	Thanh Hoá	3	1	2	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
27	Nghệ An	9	1	8	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
28	Hà Tĩnh	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
29	Quảng Bình	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
30	Quảng Trị	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
31	Thừa Thiên Huế	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
32	Đà Nẵng	2	2	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
33	Quảng Nam	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
34	Quảng Ngãi	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
35	Bình Định	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
36	Phú Yên	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
37	Khánh Hòa	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x

38	Ninh Thuận	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
39	Bình Thuận	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
IV	Tây Nguyên	8	6	2					
40	Gia Lai	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
41	Đắk Lắk	4	2	2	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
42	Đắk Nông	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
43	Kon Tum	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
44	Lâm Đồng	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
V	Đông Nam Bộ	27	9	18					
45	TP.HCM	18	3	15	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
46	Tây Ninh	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
47	Bình Phước	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
48	Bình Dương	3	2	1	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
49	Đồng Nai	3	1	2	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
50	Bà Rịa Vũng Tàu	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
VI	Đồng bằng sông Cửu Long	15	13	2					
51	Long An	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
52	Đồng Tháp	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
53	An Giang	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
54	Tiền Giang	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
55	Bến Tre	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
56	Vĩnh Long	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
57	Trà Vinh	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
58	Hậu Giang	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x

59	Cần Thơ	3	1	2	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
60	Sóc Trăng	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
61	Kiên Giang	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
62	Bạc Liêu	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x
63	Cà Mau	1	1	0	Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	x	x